TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày 19 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên, bà Nguyễn Thị Tin

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm phòng xét xử trực tuyến Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2024/HSST ngày 19 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Minh Q,** sinh 1998; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh D, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1991; có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/11/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên toà trực tuyến).

- *Bị hại:* Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nơi tạm trú: Thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Chị Trần Thị D, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người làm chứng:* Anh Dương Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C, xã Nội H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có phương tiện đi lại nên Q nảy sinh ý định trộm cắp lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36B8-723.10 của anh Đỗ Văn H. Chiếc xe này Trần Minh Q đã làm hợp đồng bán cho anh H ngày 26/10/2023 với giá 7.000.000đ, anh H đã trả đủ tiền cho Q và Q đã bàn giao xe cho anh H. Khoảng 10 giờ ngày 29/10/2023, Q đi bộ đến nhà trọ T ở thôn C, xã N, huyện Yên Dũng thì thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36B8-723.10 dựng ở sân, quan sát cổng không đóng, không có người trông coi nên Q đi đến vị trí chiếc xe và dắt xe ra ngoài đường rồi dắt xe đến quản sửa chữa xe mô tô của anh Dương Văn T, nói với anh T là xe của Q bị mất chìa khóa và nhờ anh T cho mượn 01 chiếc chìa khóa cũ để mở. Anh T đưa cho Q 01 chiếc chìa khóa cũ thì Q cắm chìa khóa này vào ổ khóa điện mở thử thì mở được khóa điện. Sau đó. Q điều khiển chiếc xe mô tô này đi đến khu công nghiệp Đình Trám thuộc huyện Việt Yên gặp một người sửa chữa khóa bán hàng rong ngoài đường, Q thuê người này đánh 01 chiếc chìa khóa xe mô tô và dùng chiếc chìa khóa này để mở khóa điện cho chiếc xe mô tô trộm cắp được, chiếc xe này Q giữ lại để sử dụng.

Sau khi phát hiện bị mất chiếc xe mô tô, ngày 23/11/2023, anh Hoàng đã làm đơn trình báo Công an xã N, huyện Yên Dũng và giao nộp lại 01 hợp đồng mua bán xe. Cùng ngày, Công an xã N đã chuyển toàn bộ tài liệu đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 23/11/2023, biết hành vi của mình bị phát hiện, Trần Minh Q đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đầu thú và tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36B8-723.10 và 01 chìa khóa xe mô tô của hãng Yamaha.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 78 ngày 29/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu sơn xám - đen - cam, biển kiểm soát 36B8-723.10 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 7.000.000 đồng.

Qúa trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36B8-723.10, đăng ký chủ sở hữu là chị Trần Thị D, là em gái của Trần Minh Q. Chiếc xe này chị Dung sử dụng đến khoảng tháng 4/2022 thì cho Q, Q bán lại cho H nhưng sau đó Q đã trộm cắp lại chiếc xe sử dụng làm phương tiện đi lại.

Ngày 16/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đã trả lại cho anh H chiếc xe mô tô biển kiểm sát 36B8-723.10, anh H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu Q phải bồi thường gì và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Q.

Tại cơ quan điều tra, Trần Minh Q đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tôi của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKSYD ngày 17/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố bị cáo Trần Minh Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung, diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xác định việc bị truy tố là đúng người, đúng tội, không oan. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo không có ý kiến gì.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh Q từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Q cho UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) chiếc chìa khóa xe mô tô của hãng Yamaha.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Bị cáo nhất trí với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có cơ hội cải tạo tại địa phương, làm công dân có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa xét xử vụ án, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 29/10/2023 tại nhà trọ T ở thôn C, xã N, huyện Yên Dũng, Trần Minh Q đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36B8-723.10 trị giá 7.000.000đ của anh Đỗ Văn H rồi giữ lại sử dụng.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu sài bằng con đường bất chính nên vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo lợi dụng sự chủ quan, sơ hở của chủ sở hữu đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Đỗ Văn H, tài sản bị cáo trộm cắp trị giá 7.000.000 đồng nên đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng bị thu giữ cùng các tài liệu và chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 09/CT-VKSYD ngày 17/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng truy tố bị cáo Trần Minh Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang và bức xúc trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện nộp lại tài sản để khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; sau khi phạm tội biết hành vi của mình bị phát hiện nên đã ra đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự với một mức án nghiêm khắc mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thấy bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước và pháp luật, Hội đồng xét xử thấy không cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp với quy định của pháp luật và đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân biết

tuân thủ pháp luật. Do vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tội phạm này có quy định hình phạt bổ sung bằng tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có công việc, nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Đỗ Văn H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên về vấn đề trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter 135, màu sơn xám - đen - cam, biển kiểm soát 36B8-723.10 đã được Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đỗ Văn H. Xét thấy việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với 01 chiếc chìa khóa xe mô tô của hãng Yamaha được Q thuê người sửa chữa khóa bán hàng rong ngoài đường đánh rồi dùng chiếc chìa khóa này để mở khóa điện cho xe mô tô trộm cắp được. Xét thấy vật chứng này là công cụ, phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Đối với anh Dương Văn T có hành vi cho bị cáo mượn chiếc chìa khóa cũ để mở khóa điện xe mô tô biển kiểm soát 36B8-723.10 nhưng anh T không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh T là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với người đánh chìa khóa xe mô tô cho bị cáo thì bị cáo khai người này là người bán hàng rong, bị cáo không biết người này là ai, ở đâu nên cơ quan điều tra không làm rõ được.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Ngoài ra cần áp dụng quy định tại Điều 331; Điều 333 và khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự để tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333 và khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Minh Q 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/02/2024). Giao bị cáo Trần Minh Q cho Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Luật thì hành án hình sự.

2. Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chìa khóa xe mô tô của hãng Yamaha.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/02/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng)

3. Về án phí: Bị cáo Trần Minh Q phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Đ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thủy